TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUAN SƠN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/DS-ST
Ngày: 17 - 7 - 2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Tùng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Vi Văn Thịnh
2. Bà Hà Thị Kim Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa *tham gia phiên toà:* Ông Cao Hồng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXX-ST ngày 19 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP P (OCX).**

Địa chỉ trụ sở: Số 41 và số 45 đường L, phường B, quận X, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT OCX.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh Đ - Chức vụ: Giám đốc TTBL Thanh Hóa (Văn bản ủy quyền số 16/2023/UQ-CT.HĐQT ngày 14/3/2023).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Minh Đ: Ông Nguyễn Trung C - Chức vụ: Chuyên viên (Văn bản ủy quyền số 04/2023/UQ-O-THN ngày 04/12/2023).

Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn:

- Ông Nguyễn Văn H - Sinh năm 1982; Vắng mặt

- Bà Trịnh Thị O - Sinh năm 1984; Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đều có địa chỉ: bản N, xã S, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 04/12/2023, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án,* người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Trung C trình bày:

Ngân hàng TMCP P (OCX) cho ông Nguyễn Văn H và bà Trịnh Thị O vay vốn theo hợp các Hợp đồng tín dụng sau đây:

- Hợp đồng tín dụng số 065/2022/HĐTD-CN ngày 14/02/2022.

Số tiền vay: 100.000.000 đồng.

Mục đích vay: vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh hàng tạp hóa, đồ dùng gia đình, đồ gia dụng, giày dép, quần áo các loại.

Thời hạn vay: 12 tháng.

Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 13%/năm. Lãi suất cho vay được cố định trong vòng 03 tháng kể từ ngày 13/02/2023. Hết thời hạn 03 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 13/5/2023. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức Lãi suất cơ sở kỳ hạn 13 tháng theo biểu lãi suất được OCX ban hành từng thời kỳ + biên độ 3,6%/năm.

Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Phạt chậm trả lãi với Tiền lãi chậm trả bằng (=) Số tiền lãi chậm trả x Số ngày chậm trả lãi x lãi suất chậm trả (%/năm) : 365. Lãi suất chậm trả là 10%/năm hoặc theo mức lãi suất khác do OCX xác định nhưng không vượt quá mức lãi suất tối đa theo quy định pháp luật. Số ngày chậm trả được tính từ ngày kế tiếp của ngày đến hạn trả lãi cho đến hết ngày Bên được cấp tín dụng trả hết phần lãi bị thanh toán trễ hạn.

- Hợp đồng tín dụng số 208B/2020/HĐTD-CN ngày 05/8/2020.

Số tiền vay: 400.000.000 đồng;

Mục đích vay: Vay tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình.

Thời hạn vay: 60 tháng.

Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 11,5%/năm. Lãi suất cho vay được cố định trong vòng 03 tháng kể từ ngày 06/8/2020. Hết thời hạn 03 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/01 lần, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 06/11/2020. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức Lãi suất cơ sở kỳ hạn 13 tháng theo biểu lãi suất được OCX ban hành từng thời kỳ + biên độ 4%/năm.

Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Phạt chậm trả lãi với Tiền lãi chậm trả bằng (=) Số tiền lãi chậm trả x Số ngày chậm trả lãi x lãi suất chậm trả (%/năm) : 365. Lãi suất chậm trả là 10%/năm hoặc theo mức lãi suất khác do OCX xác định nhưng không vượt quá mức lãi suất tối đa theo quy định pháp luật. Số ngày chậm trả được tính từ ngày kế tiếp của ngày đến hạn trả lãi cho đến hết ngày Bên được cấp tín dụng trả hết phần lãi bị thanh toán trễ hạn.

- Tài sản bảo đảm cho khoản vay:

Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 122; tờ bàn đồ số: 156 bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000; tại địa chỉ: xã Sơn Điện, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa; theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 014682, số vào sổ cấp GCN: H01075, do UBND huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 11/4/2017 cho ông Nguyễn Văn H và bà Trịnh Thị O. Chi tiết hợp đồng thế chấp 208/2020/BĐ-CN, Số Công chứng 6881, quyển số 03/2020 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 05/8/2020 tại văn phòng Công chứng Lại Văn Thạnh giữa ông Nguyễn Văn H, bà Trịnh Thị O và OCX. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật.

- Quá trình thực hiện Hợp đồng:

Ông Nguyễn Văn H và bà Trịnh Thị O đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản vay nêu trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ (14/6/2023), với mức lãi suất nợ quá hạn. Theo đơn khởi kiện, tạm tính đến hết ngày 04/12/2023, nợ các khoản vay nêu trên là: 186.802.300 đồng (Một trăm tám mươi sáu triệu tám trăm linh hai nghìn ba trăm đồng); trong đó nợ gốc: 180.045.933 đồng; nợ lãi là: 6.756.367đ

Cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 065/2022/HĐTD-CN ngày 14/02/2022.

Nợ gốc: 28.712.628 đồng.

Lãi quá hạn: 1.129.334 đồng.

Tổng cộng: 29.841.962 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 208B/2020/HĐTD-CN ngày 05/8/2020.

Nợ gốc trong hạn: 133.333.320 đồng.

Nợ gốc quá hạn: 17.999.985 đồng.

Lãi trong hạn: 5.208.767 đồng.

Lãi quá hạn: 418.266 đồng.

Tổng cộng: 156.960.338 đồng.

Từ ngày khởi kiện đến trước ngày mở phiên tòa, ông H và bà O đã trả thêm được cho Ngân hàng OCXCX số nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 065 là 180.627 đồng; số nợ gốc của Hợp đồng tín dụng 208B là 999.952 đồng.

Nay ngân hàng OCXCX yêu cầu ông H, bà O phải trả cho ngân hàng toàn bộ số nợ tính đến ngày xét xử (17/7/2024), tổng số tiền: 198.051.561 đồng (một trăm chín mươi tám triệu không trăm năm mươi mốt nghìn năm trăm sáu mốt đồng); trong đó nợ gốc là: 178.865.322 đồng; nợ lãi là: 19.186.239 đồng.

Cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 065/2022/HĐTD-CN ngày 14/02/2022.

Nợ gốc: 28.532.001 đồng.

Lãi quá hạn: 2.783.024 đồng.

Tổng cộng: 31.315.025 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 208B/2020/HĐTD-CN ngày 05/8/2020.

Nợ gốc trong hạn: 86.666.651 đồng.

Nợ gốc quá hạn: 63.666.670 đồng.

Lãi trong hạn: 11.614.899 đồng.

Lãi quá hạn: 4.788.316 đồng.

Tổng cộng: 166.736.536 đồng.

Do bị đơn vi phạm hợp đồng tín dụng nên O yêu cầu:

a. Yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn H và bà Trịnh Thị O phải thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ đối với OCX, trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền lãi chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến hết ngày 17/7/2024 các khoản tiền này là:

Tổng cộng: 198.051.561 đồng (một trăm chín mươi tám triệu không trăm năm mươi mốt nghìn năm trăm sáu mốt đồng).

b. Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi, phí theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến ngày ông Nguyễn Văn H và bà Trịnh Thị O thực tế thanh toán hết nợ cho OCX.

c. Trường hợp bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Trịnh Thị O không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, OCX có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xác minh, cưỡng chế, kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho OCX.

d. Ông Nguyễn Văn H và bà Trịnh Thị O phải chịu án phí và các chi phí liên quan (nếu có).

Kèm theo đơn khởi kiện, ngân hàng OCXCX còn gửi cho Tòa án các văn bản liên quan đến các Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp; các văn bản liên quan đến việc yêu cầu trả nợ, quá trình trả nợ; các văn bản thể hiện tư cách đương sự và các văn bản ủy quyền tham gia tố tụng; bản sao chứng thực căn cước công dân/

chứng minh nhân dân của ông Lê Minh Đức, ông Nguyễn Trung C, ông Nguyễn Văn H, bà Trịnh Thị O.

* *Quá trình giải quyết vụ án,* bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Trịnh Thị O đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, bao gồm: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự đến Tòa án để trình bày quan điểm về vụ án, Thông báo phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; nhưng bị đơn Nguyễn Văn H không hợp tác, không có mặt theo yêu cầu của Tòa án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

**Tại bản tự khai ngày 15/02/2024*, bị đơn bà Trịnh Thị O chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có trách nhiệm sẽ trả toàn bộ số nợ cho ngân hàng OCX.

* *Tại Biên bản hòa giải ngày 10/3/2024,* nguyên đơn OCX và bị đơn bà Trịnh Thị O thống nhất: Số tiền bị đơn phải trả cho OCX tính đến ngày 04/12/2023 là 186.802.300đ; trong đó: Nợ gốc trong hạn là: 133.333.320đ; Nợ gốc quá hạn là: 46.712.613đ; Nợ lãi trong hạn là 5.208.767đ; Nợ lãi quá hạn là: 1.547.600đ. Ngoài ra các bên còn thống nhất bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

* Trên cơ sở yêu cầu của Tòa án, đoàn thẩm định đã căn cứ theo Hợp đồng thế chấp số 208/2020/BĐ-CN ngày 05/8/2020; Căn cứ vào hồ sơ giao đất; bản đồ giao đất của xã Sơn Điện xem xet thực địa; Kết quả xem xét, thẩm định ngày 12/6/2024 như sau:

Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 122, tờ bản đồ số 156 (bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 014682, Số vào sổ cấp GCN: H01075 do UBND huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 11/4/2017 mang tên Nguyễn Văn H và Trịnh Thị O.

Diện tích theo GCNQSD đất: 248m^2

Diện tích xác định trên thực tế: 248m^2.

Ranh giới thửa đất được xác định trên thực địa cụ thể như sau:

+ Phía Bắc: Dài 12,96m giáp đất hộ ông Trọng (đã bán cho hộ gia đình Hải, Yến);

+ Phía Nam: Dài 12,96m giáp công trình xây dựng của bà O thuộc phần đất hiện đang được nhà nước quản lý;

+ Phía Đông: Dài 19,2m giáp công trình xây dựng của bà O đã xây dựng diện tích 132,5m^2 nằm trong phạm vi hành lang giao thông Quốc lộ 217;

+ Phía Tây: Dài 19,2m giáp đất nông nghiệp.

- Tài sản gắn liền với đất thuộc đối tượng thế chấp:

+ Nhà ở riêng lẻ: Diện tích xây dựng: 75,37m^2; diện tích sàn: 75,37m^2; Kết cấu: Nhà giằng móng BTCT, cột BTXMCT, tường xây gạch 220, nền lát gạch hoa, mái lợp tôn. Tầng âm: móng đá hộc, giằng móng BTXMCT, cột trụ BTXMCT, tường xây gạch 220, nền lát gạch hoa; Cấp hạng: Nhà cấp 04; Số tầng: 02, số tầng âm: 01; Xây dựng năm 2010.

Toàn bộ công trình xây dựng thuộc đối tượng thế chấp còn nguyên hiện trạng; Không sửa chữa, thay đổi gì. Toàn bộ tài sản thế chấp không có tranh chấp với cá nhân, tổ chức nào.

* Ngân hàng OCX đề nghị Tòa án giải quyết chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (6.000.000 đồng) theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về Luật Tố tụng Dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn Nguyễn Văn H không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Bị đơn Trịnh Thị O chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Vì vậy đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí và chi phí tố tụng khác, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp Hợp đồng tín dụng nhưng bên vay không có đăng ký kinh doanh nên là tranh chấp dân sự. Giao dịch dân sự được thực hiện tại nơi bị đơn cư trú là huyện Quan Sơn. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng tại phiên toà nguyên đơn, bị đơn là bà Trịnh Thị O vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Văn H vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung:

[3] Hợp đồng tín dụng số 065/2022/HĐTD-CN ngày 14/02/2022; Hợp đồng tín dụng số 208B/2020/HĐTD-CN ngày 05/8/2020 đã đảm bảo các điều kiện của

giao dịch dân sự theo quy định tại các Điều 117; 292; 295; 317; 318 của Bộ Luật Dân sự và các quy định của Luật các tổ chức tín dụng nên Hợp đồng có hiệu lực.

[4] Về quá trình thực hiện Hợp đồng và trách nhiệm dân sự: Bên vay tài sản là ông Nguyễn Văn H và bà Trịnh Thị O đã vi phạm nghĩa vụ thực hiện Hợp đồng nên phải có trách nhiệm trả nợ theo các điều khoản có trong Hợp đồng tín dụng 065/2022/HĐTD-CN ngày 14/02/2022; Hợp đồng tín dụng số 208B/2020/HĐTD-CN ngày 05/8/2020 là phù hợp với quy định tại các Điều 357; 465; 466 của Bộ luật Dân sự.

[5] Xét tính hợp pháp của số tiền mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ, đã được phía bị đơn chấp nhận, HĐXX thấy rằng:

- Khoản tiền gốc 178.865.322 đồng là tiền ông H, bà O vay, chưa trả nên OCX yêu cầu ông H, bà O trả cho nguyên đơn là phù hợp với các điều khoản đã thoả thuận trong các hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết.

- Số tiền lãi quá hạn 2.783.024 đồng chưa trả tính từ ngày 14/6/2023 đến ngày 17/7/2024 theo yêu cầu của nguyên đơn trong Hợp đồng tín dụng số 065/2022/HĐTD-CN ngày 14/02/2022 là phù hợp với các điều khoản ghi trong hợp đồng nên chấp nhận.

- Số tiền lãi trong hạn 11.614.899 đồng và lãi quá hạn 4.788.316 đồng chưa trả tính từ ngày 14/6/2023 đến ngày 17/7/2024 theo yêu cầu của nguyên đơn trong Hợp đồng tín dụng số 208B/2020/HĐTD-CN ngày 05/8/2020 là phù hợp với các điều khoản ghi trong hợp đồng nên chấp nhận.

Như vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tính đến ngày 17/7/2024 là 198.051.561 đồng; trong đó: Nợ gốc là 178.865.322 đồng; Nợ lãi là: 19.186.239 đồng.

[6] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc kê biên, phát mại, xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp 208/2020/BĐ-CN ngày 05/8/20202 phù hợp với thoả thuận ghi trong các hợp đồng cho vay nên chấp nhận. Theo đó, nếu bị đơn không trả hoặc trả không đủ số tiền còn nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tổ chức kê biên, phát mại, xử lý các tài sản bảo đảm gồm: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 122, tờ bản đồ 156 bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000, địa chỉ: km 61, xã Sơn Điện, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa để thu hồi nợ.

[7] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ

gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận điều chỉnh về lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

[8] *Về án phí, chi phí tố tụng:* Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Đối với chi phí tố tụng khác, xét yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 6.000.000đ (sáu triệu đồng) theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự và có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.
- Điều 117; 292; 295; 317; 318; 357; 465; 466 của Bộ Luật Dân sự.
- Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng.
- Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 23/12/2016 của UBTV Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P. Cụ thể:

Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Trịnh Thị O phải trả toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP P, tổng số tiền: 198.051.561 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu không trăm năm mốt nghìn năm trăm sáu mốt đồng), trong đó:

Tổng nợ gốc: 178.865.322 đồng.

Tổng nợ lãi trong hạn: 11.614.899 đồng.

Tổng nợ lãi quá hạn: 7.571.340 đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Văn H và bà Trịnh Thị O còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận điều chỉnh về lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Nguyễn Văn H và bà Trịnh Thị O không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP P có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ gồm: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 122, tờ bản đồ số 156 bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000, địa chỉ tại: km 61, xã Sơn Điện, huyện Quan Sơn đã được UBND huyện Quan Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 014682 ngày 11/4/2017 mang tên Nguyễn Văn H và Trịnh Thị O.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn H và bà Trịnh Thị O phải chịu 9.903.000 đồng (Chín triệu chín trăm linh ba nghìn đồng - đã làm tròn số) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng TMCP P không phải chịu án phí nên được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.670.000 đồng (bốn triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0002464 ngày 29/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Về chi phí tố tụng khác: Ngân hàng TMCP P không phải chịu 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ông Nguyễn Văn H và bà Trịnh Thị O có trách nhiệm hoàn trả lại chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng TMCP P số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THA DS huyện Quan Sơn (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Xuân Tùng